

Đọc tài liệu tổng hợp kiến thức và gợi ý trả lời các câu hỏi soạn bài Thực hành tiếng Việt trang 92 Ngữ văn 6 tập 1 Kết nối tri thức với cuộc sống cho các em học sinh tham khảo.

Soạn Thực hành tiếng Việt trang 92 Kết nối tri thức Ngữ văn 6 tập 1

Trước khi bắt tay vào thực hành với từ đồng âm và từ đa nghĩa, các em sẽ xem nội dung về cách nhận biết chúng dưới đây.

Nhận biết từ đồng âm

Đọc câu sau và chú ý những từ giống nhau về âm: Một nghề cho chín còn hơn chín nghề.

Từ "chín" thứ nhất chỉ tính chất còn từ "chín" thứ hai chỉ số lượng - nghĩa của hai từ này khác nhau, không có mối liên hệ nào với nhau. Nghĩa của hai từ đồng âm này được xác định nhờ sự kết hợp của chúng với các từ khác trong câu.

Nhận biết từ đa nghĩa

Nếu từ đồng âm là các từ có âm giống nhau nhưng nghĩa khác nhau, không liên quan thì với trường hợp từ đa nghĩa, các nghĩa khác nhau của một từ lại có liên quan với nhau.

Ví dụ:

(1) Tôi ăn cơm.

(2) Xe này ăn xăng nhiều.

Từ "ăn" trong ăn cơm có nghĩa là "tự cho vào cơ thể thức nuôi sống", còn trong "ăn xăng" có nghĩa là "tiếp nhận cái cần thiết cho sự hoạt động". Có thể thấy rõ hai nghĩa này liên quan với nhau. Như vậy ở đây có một từ ăn được dùng với hai nghĩa khác nhau. Nhờ sự kết hợp giữa từ đa nghĩa với những từ khác trong câu, người đọc (người nghe) có thể nhận biết nghĩa nào của từ đa nghĩa được sử dụng.

Thực hành tiếng Việt: Từ đồng âm và từ đa nghĩa

Câu 1. Trong ba trường hợp sau ta có một từ bóng đa nghĩa hay có các từ bóng đồng âm với nhau? Giải thích nghĩa của từ đó trong từng trường hợp.

a. Lò đờ bóng ngả trắng nghênh

Tiếng hò xa vọng nặng tình nước non

b. Bóng đã lăn ra khỏi đường biên dọc.

c. Mặt bàn được đánh véc - ni thật bóng.

Trả lời câu 1 trang 92 Ngữ văn 6 tập 1 Kết nối tri thức

Giải thích các từ "bóng" trong ba câu được cho:

- a. Bóng (bóng ngả trắng nghênh): hình ảnh, "gương" phản chiếu của sự vật (bóng ánh trăng).
- b. Bóng (bóng lăn): vật thể có dạng tròn, hình cầu được dùng trong thể thao, với mục đích hoạt động để con người tung hứng, đá,...
- c. Bóng (đánh véc-ni thật bóng): sự bóng bẩy, hào nhoáng, trau chuốt, sáng bóng.

Câu 2. Phân biệt nghĩa của từ in đậm trong các câu sau. Theo em, đó có phải là từ đồng âm hay không. Vì sao?

- a. - Đường lên xứ Lạng bao xa.
- Những cây mía óng ả này chính là những nguyên liệu để làm đường.
- b. - Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng, mênh mông bát ngát.
- Tôi mua bút này với giá hai mươi nghìn đồng.

Trả lời câu 2 trang 92 Ngữ văn 6 tập 1 Kết nối tri thức

Phân biệt nghĩa của các từ in đậm trong các câu được cho:

- a. Đường (đường lên xứ Lạng): chỉ con đường, địa danh, địa điểm.
Đường (nguyên liệu để làm đường): là hợp chất hóa học, dùng để chế biến hoặc thêm vào thực phẩm.
- b. Đồng (đứng bên tê đồng, ngó bên tê đồng): cách đồng quê hương bát ngát, mênh mông.
Đồng (hai mươi nghìn đồng): đơn vị tiền tệ chính thức của nước Việt Nam

Câu 3. Nghĩa của từ trái trong những trường hợp sau đây có liên quan gì với nhau không? Vì sao?

- a. Cây xoài trước sân nhà em có rất nhiều trái.
- b. Bố vừa mua cho em một trái bóng.
- c. Cách một trái núi với ba quãng đồng.

Trả lời câu 3 trang 93 Ngữ văn 6 tập 1 Kết nối tri thức

Nghĩa của từ trái trong ba dòng được cho có liên quan với nhau về mặt ý nghĩa. Có nghĩa giống nhau (là danh từ), chỉ danh xưng của một sự vật (quả xoài, quả bóng, quả núi).

Câu 4. Xác định từ đồng âm và từ đa nghĩa trong các câu sau:

a. Con cò có cái cổ cao.

b. Cổ tay em trắng như ngà

Con mắt em liếc như là dao câu

c. Phố cổ tạo nên vẻ đẹp riêng của Hà Nội.

Trả lời câu 4 trang 93 Ngữ văn 6 tập 1 Kết nối tri thức

Xác định từ đồng âm và từ đa nghĩa:

Từ đồng âm: "cổ cao: và "cổ tay": chỉ một phần của cơ thể, phần đầu của các bộ phận.

Từ đa nghĩa: cổ (phố cổ): sự cổ kính, rêu phong, đã cũ.

Câu 5. Hãy giải thích nghĩa của từ nặng trong câu ca dao: Tiếng hò xa vọng, nặng tình nước non.

Tìm thêm một số từ ngữ có từ nặng được dùng với nghĩa khác.

Trả lời câu 5 trang 93 Ngữ văn 6 tập 1 Kết nối tri thức

Nghĩa của từ nặng trong câu ca dao: Tiếng hò xa vọng, nặng tình nước non: tình cảm yêu thương đong đầy, sâu nặng, chất chứa từ lâu.

Một số từ ngữ có từ nặng được dùng với nghĩa khác: nặng nhọc, nặng chịch, nặng trĩu.

-/-

Với toàn bộ tài liệu hướng dẫn soạn văn 6 Thực hành tiếng Việt trang 92 tập 1 - Kết nối tri thức, hi vọng các em sẽ chuẩn bị bài học tốt nhất trước khi tới lớp. Chúc các em học tốt môn Ngữ văn 6.